

con nông dân khá hẳn lên, nhiều người sắm được tiện nghi và có "của ăn của để". Ở thành thị, số người giàu lên nhờ làm ăn chánh đáng hợp pháp ngày càng nhiều. (Có kẻ giàu bất chính, ma giáo, mảnh mung, tham nhũng, buôn lậu... nhưng sẽ có cách trị). Số người thất nghiệp không thiếu, thậm chí có nơi còn đông, nhưng tin rằng gần việc phát triển kinh tế thị trường với cuộc vận động xóa đói giảm nghèo sẽ lần hồi giúp bà con thoát khỏi cảnh thất nghiệp. (Nhân nói tới chuyện thất nghiệp, xin thưa thêm: không chỉ kinh tế thị trường mới có thất nghiệp vậy! Theo tôi, năm bảy người bụ vô làm những việc chỉ đáng một người làm là một kiểu thất nghiệp. Các đơn vị kinh tế quốc doanh khi vật tư rớt xuống không đủ, hoặc rớt nhỏ giọt, công nhân phải nghỉ việc dài dài, ăn lương ít, cũng là một dạng thất nghiệp. Bên cạnh số người gọi là "có việc làm giả tạo" như vậy, còn có những người đến tuổi lao động nhưng không có việc làm, ngày càng gia tăng, cùng với việc gia tăng dân số. Bộ máy khổng lồ từ trên xuống dưới mà chúng ta đang tìm cách tinh giản là bằng chứng của thất nghiệp. Điều này dễ hiểu thôi vì các thành phần kinh tế, các tiềm năng kinh tế nằm im bất động, còn kinh tế quốc doanh, tập thể triển miên thua lỗ đình đốn thì hỏi tìm đâu ra việc làm?)

Theo tôi, ta không nên tránh né chuyện thất nghiệp

hay không thất nghiệp, vấn đề hơn thua là ở chỗ đối xử với người thất nghiệp như thế nào, có từ tế không, nhất là có chương trình hành động thiết thực nhằm giải quyết việc làm cho họ không?

Đến đây, thì tôi xin phép được trả lời cho câu hỏi đặt ra ở trên: Chỉ có phát triển kinh tế thị trường, khai thác hết thế mạnh của nó, đồng thời có những biện pháp hạn chế, khắc phục khuyết tật của nó thì mới đi tới mục tiêu dân giàu nước mạnh được, và đây là phương sách cơ bản, bao trùm nhất để có được hạnh sản, hạnh tâm, đang thực hiện các chính sách công bằng xã hội, trong đó có vấn đề xóa đói, giảm nghèo. Có phú quý mới có thể sanh hào phóng, mới xuất hiện nhiều nhà hảo tâm tiếp tay với nhà nước thực hành hữu hiệu các chính sách xã hội. Dân không giàu, nước không mạnh thì không có điều kiện để thực hiện công bằng xã hội. Tôi cho rằng hướng đi của chủ nghĩa xã hội ở nước ta là: phát triển kinh tế thị trường với tất cả những kinh nghiệm đã có và sẽ có (cả trong và ngoài, cả của ta và của người) kết hợp với việc hoạch định và thực thi có hệ thống các chính sách xã hội.

Dân ta có câu: "Khôn không qua lẽ". Cái lẽ để chúng ta trở thành "rồng" hay "cọp" là kinh tế thị trường không thể khác được.

BN

Đầu tháng 9-92



Tăng trưởng kinh tế (economic growth) là sự gia tăng tổng sản phẩm quốc dân hoặc thu nhập quốc dân bình quân đầu người hằng năm ở một thời điểm so với một thời điểm khác trước đó. Tăng trưởng kinh tế được đo bằng chỉ số gia tăng (%) hằng năm hoặc bằng sự thay đổi tăng của bình quân đầu người tính bằng USD sau khi đã trừ đi phần tăng giá trong hai thời điểm so sánh (quy ước của Liên Hiệp Quốc). Bên cạnh đó phát triển kinh tế (economic development) bao hàm sự tăng trưởng như trên, kết hợp với gia tăng tỷ trọng sản xuất công nghiệp trong nền kinh tế, cải thiện sản xuất nông nghiệp và sự nâng cao điều kiện sống của nhân dân như: giáo dục, y tế, nhà ở và dinh dưỡng. Đặc biệt là các tầng lớp dân nghèo. (1)

Có lẽ chúng ta nhận biết được sự nghèo khổ thông qua những biểu hiện như: đói kém dinh dưỡng, mù chữ, ăn mặc và nhà ở dưới mức tiêu chuẩn. Người nghèo là người phải sống dưới mức được định nghĩa là chuẩn mực thấp nhất có thể chấp nhận được trong một khoảng thời gian và không gian nhất định, và vì những điều kiện đó họ không tham gia đầy đủ vào các hoạt động văn hóa xã hội cũng như có đủ những cơ hội để được giáo dục, bác hiểm y tế, công ăn việc làm và được tham gia về mặt chính trị. Các nước phát triển giàu có có mức tăng trưởng kinh tế hằng năm cao không phải luôn luôn có chất lượng cuộc sống cao nhất. Srilanka, Cuba, Nam Triều Tiên và một số nước khác đã đạt được chất lượng cuộc sống cao một cách tương đối ở mức thu nhập quốc dân bình quân đầu người thấp hơn nhiều so với những nước như Hoa Kỳ và Nhật Bản.

Thế nhưng trong trường hợp các nước kém phát triển, tăng trưởng kinh tế có liên quan chặt chẽ đến việc giảm bớt nghèo khổ. Theo các tính toán của Ngân hàng Thế giới, vào năm 1975 một nửa số người nghèo của thế giới tập trung vào các nước kém phát triển ở Nam Á. Trong đó 79% sống ở các quốc gia có thu nhập bình quân đầu người dưới 265 USD/năm - giá 1975 (2). Sự tăng trưởng chắc chắn sẽ mang đến cho dân nghèo ở các nước trên thêm công việc làm, những cơ hội về lợi tức và về điều kiện sống một cách nhất định. Nhiều công trình nghiên cứu đã chỉ ra rằng ít nhất sự tăng trưởng kinh tế tuy làm cho những người giàu thêm giàu hơn nhưng không làm cho người nghèo, nghèo đi hơn mà ngược lại đã cải thiện được điều kiện sống của họ một cách căn bản. Cái khác chỉ ở chỗ sự tăng lên này không giống nhau về tốc độ giữa người giàu và người

Ảnh : PHAN BÁ ĐƯƠNG

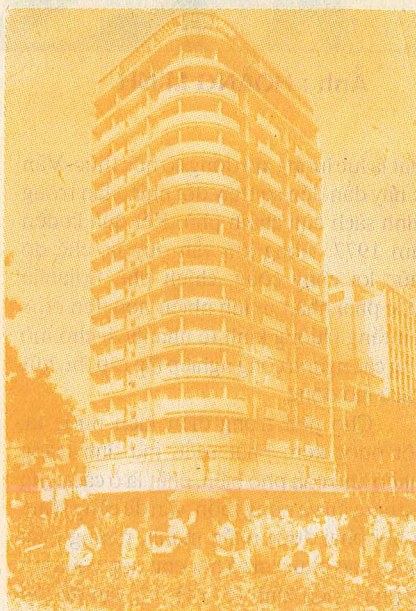
TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ ĐIỀU KIỆN CẦN BẢN NHẤT ĐỂ CÓ CÔNG BẰNG XÃ HỘI

Ê VINH DANH



ghèo. Tăng trưởng kinh tế đã làm cho nước Mỹ ngày nay, có nhiều người thu nhập hàng năm hơn 1 triệu USD. Nhưng cũng chính điều này cho các người dân mới gần đây còn phải sống với một số tiền 75 USD/năm, đã ở mức thu nhập tối thiểu cao hơn nhiều lần. Bản thân sự tăng trưởng kinh tế rõ ràng đã góp phần quan trọng nhất trong việc giải quyết nạn đói nghèo.

Nhưng tăng trưởng kinh tế hiển nhiên không mang lại một sự hưởng lợi đồng đều tương đối giữa các khu vực nhân dân và điều này thể hiện trong sự bất bình đẳng về phân phối thu nhập. 1% dân số có thu nhập cao nhất đã chiếm 19% toàn bộ thu nhập và của cải của nước Mỹ. 0,5% dân số có thu nhập 1 triệu USD/năm trở lên, trong khi 99% dân nghèo và trung lưu có thu nhập bình quân chỉ 29.600 USD/năm (1970). Ở Philippines, trong năm 1970 - 1971, 90% dân số nghèo nhất chỉ chiếm 5,2% tổng thu nhập quốc dân trong khi 10% giàu nhất đã chiếm đến 38,5% tổng thu nhập quốc dân. Lấy ra 1% của cải của nhóm giàu nhất, chia cho 20% dân số nghèo nhất, sẽ làm tăng thu nhập của họ được 19%, một sự tăng lên đầy ý nghĩa. Sự bất bình đẳng này tạo công bằng nhanh chóng giữa giàu và nghèo trong các nước



kém phát triển vốn có tỷ lệ người nghèo trầm trọng, đã trở thành thường nhật.

Sự bất bình đẳng này được một số các nhà kinh tế đánh giá bằng chỉ số tập trung Gi Ni. Chỉ số này cho biết mức độ tập trung tài sản trong tay những tầng lớp có thu nhập cao trên toàn bộ thu nhập của xã hội. Đã có nhiều cố gắng nhằm hạ thấp chỉ

số này để san bằng khoảng cách về thu nhập qua rất nhiều thời đại. Có khoản thuế lợi tức, tư bản, tài sản nặng nề ở Anh quốc trong thời kỳ ngay sau thế chiến thứ 2, kết hợp với các kế hoạch trợ cấp nghèo khổ như kế hoạch "Lampman" là những hành động theo chiều hướng này tại các nước phát triển. Nhưng ngay trong trường hợp này, giải quyết vấn đề phân phối lại thu nhập phụ thuộc vào nhiều hoàn cảnh riêng biệt của từng nước và loại hình kinh tế cùng các chính sách mà nước ấy đang theo đuổi; bởi vì những chương trình phân phối lại thu nhập cũng có mặt trái. Những mức thuế lũy tiến cao về thu nhập, về mức tích tụ tư bản sẽ có thể làm cho những người có tài sản nhiều quyết định chôn giấu của cải, chuyển tiền ra nước ngoài ký thác hay giảm bớt đầu tư cho những công trình đổi mới công nghệ sản xuất mà họ đã và đang theo đuổi. Một điều tương tự, nếu thu nhập của những người nghèo được hỗ trợ bằng những biện pháp không xuất phát từ công ăn việc làm sẽ tạo ra tính ỷ lại và nhu cầu xa xỉ. Những trợ cấp thu nhập đã được thực hiện ở các nước phát triển như kế hoạch "Lampman" rất có thể làm cho người nghèo kém tích cực tìm việc làm hơn và cuối cùng vấn đề tăng trưởng sản lượng quốc dân sẽ bị ảnh hưởng.

Đối với các nước kém phát triển, tình trạng có phần rõ ràng hơn. Mọi cố gắng phân phối lại thu nhập một cách vội vàng cũng đều có nguy cơ bóp nghẹt sự tăng trưởng kinh tế. Những chính sách nhằm san bằng mau lẹ sự bất bình đẳng giàu - nghèo trong xã hội sẽ làm giảm khả năng qui mô hóa nền sản xuất. Quá khứ đã là một thí dụ. Trong khi sự bất bình đẳng giàu - nghèo được đánh giá là thấp ở các nước XHCN Đông Âu trước đây so với khối TBCN, thì điều hiển nhiên là tăng trưởng kinh tế của các nước XHCN chậm hơn và thu nhập tuyệt đối GNP/P cũng tương đối thấp. CHDC Đức, một nước đã từng là giàu nhất trong khối XHCN cũng chỉ có thu nhập bình quân đầu người hàng năm bằng 2/3 thu nhập của CHLB Đức.

Do vậy, vấn đề đặt ra cho các nước kém phát triển (như nước ta) sẽ là sự chọn lựa giữa những bức xúc giải quyết ngay tình trạng nghèo khổ và bất bình đẳng xã hội đang phổ biến, với nhu cầu tập trung cho tăng trưởng kinh tế để giải quyết nghèo khổ về lâu dài. Ưu tiên cho phân phối lại thu nhập nhằm giải quyết tương đối tình trạng bất bình đẳng sẽ mang lại nhiều ý nghĩa tích cực về mặt xã hội và nhân bản, nhưng mặt khác với tương lai, nó hạn chế khả năng khai thác các tiềm năng tài chính và kinh tế



của khu vực tư nhân trong và ngoài nước; ngăn cản qui mô tích tụ tư bản cao, một điều kiện cần để công nghiệp hóa nền kinh tế; kìm hãm sự tăng trưởng nhanh như đã phân tích ở trên. Nhưng ưu tiên cho tăng trưởng kinh tế sẽ nhất thời làm gia tăng nhanh chóng sự bất bình đẳng ban đầu. Những người sở hữu nhiều tài sản và tư bản sẽ có điều kiện làm giàu lên mau lẹ trong khi mức sống của người nghèo có thể được cải thiện chậm hơn nhiều.

Sự chọn lựa, do đó, thể hiện quan điểm chính trị trong phát triển kinh tế. Rõ ràng không thể vừa đòi hỏi một sự công bằng xã hội tương đối ngay tức khắc kết hợp với tăng trưởng kinh tế nhanh. Sự trả giá chỉ cho phép một tình huống tăng trưởng kinh tế vừa phải kết hợp với một mức độ bất bình đẳng ít hơn cho một quốc gia đồng thời thực hiện cả hai chương trình tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội. "Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với công bằng xã hội" (4) đó là một cách quyết định theo quan điểm nêu trên. Nhưng bài học của Srilanka là một điều có thể suy ngẫm. Chính phủ nước này cũng quyết định phương hướng phát triển kết hợp tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội từ sau những năm giành độc lập (1948). Một hệ thống phúc lợi gồm lương thực, thực phẩm rẻ, giáo dục và dịch vụ y tế miễn phí đã tạo ra mọi tầng lớp dân chúng biết đọc, biết viết. Sự bất bình đẳng được giữ ở mức độ tương đối thấp và mặc dù mức thu nhập bình quân đầu người còn thấp, tại Srilanka những biểu tượng xấu nhất của sự nghèo khổ (như chết yểu, thiếu ăn, mù chữ) đã vắng bóng. Vấn đề đáng lo ngại ở chỗ mức độ tăng trưởng kinh tế không đủ nhanh để đảm bảo tài trợ cho hệ thống phúc lợi công cộng được tiếp tục tốt, và tạo thêm công ăn việc làm cho lực lượng lao động tăng lên



Ảnh : HOÀNG MINH

nhất là lực lượng lao động có học thức. Vấn đề này dẫn đến sự thay đổi nhiều lần trong chính sách của chính phủ. Kết quả là đến năm 1977, trong khi vẫn duy trì chế độ phúc lợi công cộng, chính phủ Srilanka buộc phải nhấn mạnh nhiều hơn đến mục tiêu tăng trưởng kinh tế nhanh và cho mở rộng các ngành công nghiệp lắp ráp thu hút nhiều lao động.

Cho nên trong điều kiện nước ta, một nước kém phát triển mà tình trạng nghèo khổ còn phổ biến, nhất là ở các vùng cao nguyên và nông thôn, vấn đề công bằng xã hội phải được nhấn mạnh, nhưng phải "nâng cao phúc lợi xã hội phù hợp với trình độ phát triển kinh tế" (4). Và vấn đề tập trung cho tăng trưởng kinh tế phải được coi là chiến lược then chốt. Mười mấy năm qua ta đã quá chú trọng đến khía cạnh công bằng và bình đẳng thu nhập đưa đến hậu quả suốt thời gian ấy, tăng trưởng kinh tế nếu trừ đi phần tăng giá của lạm phát, nó là số âm. Phương thuốc căn bản nhất cho tình trạng nghèo khổ ở các nước kém phát triển chỉ xuất hiện trong bốn chiến lược: a) Ngày càng tiệm cận hơn sự toàn dụng về

nhân lực nhằm giải quyết ngày càng tốt hơn tình trạng thất nghiệp; b) Tăng trưởng kinh tế nhanh hơn; c) Loại bỏ sự phân biệt đối xử, phân biệt sắc tộc; d) Cải thiện giáo dục và đào tạo (5). Sự nghèo khổ và bất bình đẳng trong thu nhập sẽ được giải quyết một cách căn bản bằng một loạt các chương trình khác nhau như: Kế hoạch hóa dân số và gia đình nhằm hạn chế tỷ lệ trẻ sơ sinh và tỷ lệ suy dinh dưỡng - Tăng cường mạng lưới các bệnh viện nhỏ và vừa ở vùng núi và nông thôn xa xôi hơn là quan tâm xây dựng các bệnh viện tối tân ở đô thị - Mở rộng hệ thống các trường phổ thông cơ sở với chất lượng kỹ lưỡng ở nông thôn thay vì quá chú trọng đến các trường đại học ở thành phố. Bằng các chính sách ấy ta sẽ giải quyết tốt nhất nạn mù chữ, bệnh tật và chết yểu. Nhưng bước đi đầu tiên phải là tăng trưởng kinh tế nhanh để giải quyết tình trạng thất nghiệp và thiếu ăn.

Bổn vấn đề mà các quốc gia trên thế giới luôn phải đối đầu là đói nghèo - mù chữ - bệnh tật và chiến tranh. Nhà nước trong việc giải quyết ba vấn đề trước không phải là tìm cách hạn chế người giàu cho họ bớt giàu nhằm tạo bình đẳng một cách đo giũa mà là trong khi vẫn khuyến khích và tạo điều kiện cho người giàu mau giàu hơn nữa, Nhà nước tìm biện pháp động viên họ đóng góp vào các chương trình phúc lợi công cộng cũng như kết hợp với chính phủ hỗ trợ cho người nghèo có việc làm thường xuyên để ổn định đời sống và nâng cao lương bổng với vận tốc nhanh để rút ngắn khoảng cách bất bình đẳng, tạo cho mọi người đều có những cơ hội gần ngang bằng nhau về giáo dục, y tế, việc làm và điều kiện sống. Tăng trưởng kinh tế, vì thế, là điều kiện tiên quyết để có công bằng xã hội trong những quốc gia kém phát triển như Việt Nam.

LV

(1) Royall Brandis, *Principles of Economics*, University of Illinois, 1969, tr. 283, 284, 290, 291.

(2) Ngân hàng Thế giới, *Triển vọng các nước đang phát triển*, 1978, 05 Washington DC, Tháng 11.1977, Trang 10.

(3) Paul Samuelson - Nordhaus, *Kinh tế học* tập II, trang 256, Viện quốc tế xuất bản, Hà Nội, 1989.

(4) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 7 - *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế xã hội đến năm 2000* nxb Sự Thật, Hà Nội 1991.

(5) Troy J. Canley, *Economic Principles and Institutions*, International Textbook Company, Scanton, Pennsylvania, 1969 - tr. 343.